

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé
2. Bà Đào Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 527/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp Mỹ Phước, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Bà Đinh Ngọc R, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Mỹ Phước, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông T quen biết bà Đinh Ngọc R qua thời gian tìm hiểu, cả hai tổ chức đám cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành vào năm 2006, sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, xung đột nhau qua từng lời nói trong công việc cũng như trong cuộc sống hàng ngày, tuy sống trong nhà nhưng ly thân từ thời điểm đó cho

đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông T xin ly hôn với bà Đinh Ngọc R.

- Về quan hệ con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trương Bảo Quý, sinh năm 2000 và Trương Bảo Yến, sinh năm 2010. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo Yến, bà R không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Bản photo giấy CMND, bản sao sổ hộ khẩu (nguyên đơn cung cấp); Bản sao Giấy khai sinh của Trương Bảo Quý, sinh năm 2000 và Trương Bảo Yến, sinh năm 2010; Bản sao CNĐKKH (bản chính);

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau. Tại phiên hoà giải ngày 31/12/2021, nguyên đơn Trương Minh T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn với bà R, ông T thay đổi yêu cầu, rút lại ý kiến về việc nuôi cháu Bảo Yến, ông T đồng ý để cho bà R nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo Yến theo nguyện vọng của cháu, ông không cấp dưỡng nuôi con; bị đơn Đinh Ngọc R đồng ý thuận tình ly hôn với ông T, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo Yến; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: bà R xác định vợ chồng có tài chung là nhà cấp 4, yêu cầu chia cho bà hưởng căn nhà, bà cam kết trong thời hạn 10 ngày làm đơn yêu cầu gửi Tòa án yêu cầu chia tài sản chung, hết thời gian trên mà bà không yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Ông Trương Minh T, có ý kiến trong trường hợp bà Đinh Ngọc R có đơn yêu cầu chia tài sản, nhận căn nhà thì ông T xin nhận 1/3 giá trị, đồng thời ông sẽ dời đồ đạc di chuyển sinh sống nơi khác, giao căn nhà cho bà R.

Các bên có ý kiến bằng văn bản thống nhất không yêu cầu Toà án tiến hành hoà giải lần hai. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị xem xét giải quyết cho ông, bà thuận tình ly hôn.

Hết thời gian cam kết, bà R không có đơn yêu cầu về việc chia tài sản chung nên Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Ngày 11/01/2022, bà R có viết tờ tự khai với nội dung không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T với lý do bà còn thương chồng.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn với bà R, đồng ý để cháu Bảo Yến cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc theo ý kiến của cháu, ông không cấp dưỡng, không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn

Nguyễn Ngọc R vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Đinh Ngọc R tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ông T quen biết bà Đinh Ngọc R quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà R. Bà R không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, con không muốn thiếu tình thương của cha. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa ông T và bà R do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng cự cãi. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 14/01/2022, được trưởng ấp Mỹ Phước cho biết: ông T, bà R mâu thuẫn đã nhiều năm nay, bà R hay dùng những lời lẽ khiếm nhã để nói với ông T, vợ chồng thường hay cự cãi. Nhận thấy, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà R là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trương Bảo Quý, sinh năm 2000 (đã thành niên) và Trương Bảo Yến, sinh năm 2010. Sau khi ly hôn, ông T, bà R thống nhất giao cháu Yến cho bà R chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Yến ngày 31/12/2021, cháu Yến có nguyện vọng được sống cùng bà R nên giao cháu cho bà R chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: ông T không yêu cầu, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2021, bà R yêu cầu chia đôi tài sản là căn nhà cấp 4, bà được nhận căn nhà. Ông T đồng ý nhận 1/3 giá trị căn nhà. Tuy nhiên, sau đó bà R không nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Minh T đối với bà Đinh Ngọc R.

- Giao cháu Trương Bảo Yến, sinh ngày 02/8/2010 Đinh Ngọc R chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, vợ chồng có 03 con chưa thành niên, được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Đinh Ngọc R có nơi cư trú tại địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà R vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: ông T, bà R quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình tR hôn nhân:

Sau khi tiến đến hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong từng lời nói. Bà R có bản tự khai không đồng ý ly hôn với ông Thiên với lý do còn thương chồng, không muốn con thiếu tình thương của cha. Tuy nhiên, ông T cho rằng bà R không chung thủy, có người đàn ông khác, thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục chửi bới ông, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không có sự chia sẻ với nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống, ở cùng trong nhà nhưng không quan tâm đến nhau, xác định tình cảm không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà R. Tòa án thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 14/01/2022, được ban áp Mỹ Phước cung cấp thông tin, ông T, bà R mâu thuẫn đã nhiều năm nay, khi mâu thuẫn bà R hay dùng những lời lẽ khiếm nhã xúc phạm ông T, vợ chồng thường hay cự cãi nhau.

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông T, bà R phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của ông T ly hôn với bà R theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trương Bảo Quý, sinh năm 2000 (đã thành niên) và Trương Bảo Yên, sinh năm 2010. Sau khi ly hôn, ông T, bà R thống nhất giao cháu Yên cho bà R chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Yên ngày 31/12/2021, cháu Yên thể hiện ý kiến nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng cháu được sống cùng bà R. Do đó, nên giao cháu Yên cho bà R chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: ông T không yêu cầu xem xét giải quyết, tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021, bà R yêu cầu chia đôi tài sản là căn nhà cấp 4, bà được nhận căn nhà. Ông T đồng ý nhận 1/3 giá trị căn nhà. Bà R cam kết sẽ có đơn yêu cầu chia tài sản nhưng hết thời gian cam kết, sau khi Tòa án ra quyết định xét xử bà R không nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nên không đề cập xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị R không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh T.

Cho ông Trương Minh T được ly hôn với bà Đinh Ngọc R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102/TP.CĐ, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, cấp ngày 29 tháng 6 năm 2006 cho ông Trương Minh T với bà Đinh Ngọc R, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao cháu Trương Bảo Yên, sinh năm 2010 cho bà Đinh Ngọc R được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; ông Trương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đinh Ngọc R cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí:

Ông Trương Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009791 ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; ông T đã nộp xong.

Bà Đinh Ngọc R không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: ông Trương Minh T được quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đinh Ngọc R được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Cấn Đăng, huyện Châu Thành, An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

4. Quyền kháng cáo:

Anh Trương Minh T, chị Đinh Ngọc R có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết tất cả các vấn đề: 3/3 thành viên.

Biên bản kết thúc vào lúc.....giờ.....phút cùng ngày; có đọc lại cho các thành viên cùng nghe, cùng thống nhất ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA